TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 209/2018/DS-PT
Ngày: 02-11-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Son;
Ông Nguyễn Văn Tòng.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Huy Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 29 tháng 10 và ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng góp hụi. Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 178/2018/QĐPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn Bà Phan Thị M, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 448, Tổ 5, ấp TH, xã TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh - có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1971 - có mặt;
Ông Hồ Văn T, sinh năm 1964 - có mặt.
Cùng địa chỉ: Số 174, Tổ 12, ấp TP, xã TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trịnh Thị N: Luật sư Ngụy Cao K - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - Văn phòng Luật sư C - có mặt.

3. Người kháng cáo, bị đơn bà Trịnh Thị N và ông Hồ Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Phan Thị M trình bày:

Bà có cho vợ chồng bà Trịnh Thị N và ông Hồ Văn T vay tiền nhiều lần. Ngày 10-5-2016 bà cùng với bà N và ông T có tính toán chốt lại số nợ thì bà N và ông T còn nợ bà số tiền 82.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ, bà N viết giấy nợ với nội dung ông T và bà N có mượn bà số tiền 82.000.000 đồng và cả bà N, ông T cùng ký tên vào giấy

nợ. Do đó, các giấy nợ vay tiền trước ngày 10-5-2016 giữa bà với bà N và ông T bà không còn giữ.

Đến ngày 12-6-2018 bà M thay đổi lời trình bày, thừa nhận số tiền 82.000.000 đồng không phải là tiền ông T và bà N vay mà là tiền nợ hụi do bà làm chủ hụi, bà N có hốt hụi và còn nợ bà nhiều dây hụi, nhiều kỳ hụi chết. Đến ngày 10-5-2016 giữa bà và bà N tính tiền hụi với nhau thì bà N còn nợ bà 82.000.000 đồng tiền hụi. Từ khi khi viết giấy nợ, bà N và ông T có hốt hụi và trả cho bà được số tiền là 40.950.000 đồng. Hiện nay bà N và ông T còn nợ bà số tiền hụi là 41.050.000 đồng.

Ngoài ra bà N và ông T còn tham gia góp hụi do bà làm chủ hụi, cụ thể như sau: Ngày 30-02-2016 âm lịch bà khui 03 dây hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 kỳ, hụi ăn cò 500.000 đồng, mỗi dây hụi gồm có 21 phần, bà N và ông T tham gia 03 dây hụi, mỗi dây 01 phần. Bà N và ông T đã hốt hết cả 03 dây hụi, hốt kỳ khui hụi đầu tiên, bà N bỏ tiền hụi khui là 350.000 đồng hốt được tổng số tiền của 03 dây hụi là 40.950.000 đồng, chưa trừ tiền cò. Số tiền bà N, ông T hốt hụi 40.950.000 đồng bà đã trừ vào số tiền bà N, ông T nợ tiền hụi 82.000.000 đồng, nhưng bà vẫn viết giấy giao nhận tiền hụi giữa bà với ông T, bà N số tiền 40.950.000 đồng và kêu ông T, bà N ký vào giấy giao nhận tiền hụi ngày 10-3-2016 âm lịch.

Từ khi hốt hụi bà N, ông T không đóng hụi chết cho bà được kỳ nào. Trong dây hụi này bà N, ông T còn nợ lại tiền hụi chết của bà là 1.000.000 đồng x 3 dây x 21 phần = 63.000.000 đồng. Cả 03 dây hụi đã mãn vào ngày 30-10-2017 âm lịch, bà đã choàng số tiền để đóng cho các hụi viên là 63.000.000 đồng.

Khi bà N, ông T hốt 03 dây hụi nêu trên bà chưa tính tiền cò, cụ thể tiền cò là 03 dây x 500.000 đồng = 1.500.000 đồng nên bà N có viết vào phía dưới của giấy nợ 82.000.000 đồng nội dung "ngày 10/3/2016 AL tôi có nợ thêm tiền hụi chết 1.500.000 đồng" và ký tên Trịnh Thị N.

Giấy nợ tiền 82.000.000 đồng và giấy nợ tiền cò hụi 1.500.000 đồng là bà N viết cùng lúc, cùng ngày và ký cùng ngày, nhưng ghi tiền vay và tiền hụi theo ngày vay tiền và ngày tính tiền hụi.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà N và ông T trả số tiền nợ hụi trong giấy nợ ngày 10-5-2016 là 41.050.000 đồng; tiền hụi trong dây hụi khui ngày 30-02-2016 âm lịch là 64.500.000 đồng, gồm 63.000.000 đồng tiền hụi chết và 1.500.000 đồng tiên cò. Tổng cộng bà yêu cầu bà N và ông T trả cho bà số tiền nợ hụi là 105.550.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Trịnh Thị N trình bày:

Vợ chồng bà không vay bà M số tiền 82.000.000 đồng như lời bà M trình bày. Bà thừa nhận bà có ký tên vào giấy nợ nội dung vợ chồng bà mượn bà M số tiền 82.000.000 đồng và ở phía dưới giấy nợ có ghi "Ngày 10/3/2016 AL tôi có nợ thêm tiền hụi chết 1.500.000 đồng", chữ ký và viết tên Trịnh Thị N là chữ ký của bà, còn chữ ký và viết Hồ Văn T là chữ ký và chữ viết của ông T chồng bà. Chữ viết trong giấy nợ thì bà không xác định được có phải là chữ viết của bà hay không. Nhưng số

tiền này không phải là tiền vợ, chồng bà vay của bà M mà là do bà có góp hụi với bà M, do bà M làm chủ hụi, các dây hụi bà góp cụ thể như sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 15-3-2015, gồm có 20 phần, bà góp 02 phần. Sau đó bà đã hốt 01 phần vào kỳ thứ mấy, hốt được số tiền bao nhiêu bà không nhớ. Phần hụi bà đã hốt, bà còn nợ lại bà M tiền hụi chết là 16 kỳ x 2.000.000 đồng = 32.000.000 đồng. Còn lại 01 phần hụi sống, bà đã đóng được bao nhiêu kỳ bà không nhớ, bà chỉ biết đóng được số tiền là 18.400.000 đồng. Phần hụi sống này bà M còn nợ lại bà.

- Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày nào bà không nhớ, dây hụi này bà đã hốt, bà còn nợ hụi chết của bà M là 7 kỳ x 1.000.000 đồng = 7.000.000 đồng;

- Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày nào bà không nhớ, bà góp 02 phần, bà đã hốt hết 02 phần, bà còn nợ lại bà M hụi chết là 8 kỳ x 2 phần x 1.000.000 đồng = 16.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi chết nêu trên bà còn nợ bà M là 55.000.000 đồng. Bà M tính tiền lãi trên số tiền bà nợ hụi chết 55.000.000 đồng, tính đến ngày 10-5-2016, tính lãi suất bao nhiêu bà không biết cộng với tiền bà nợ hụi chết, tổng cộng thành 82.000.000 đồng. Bà M viết giấy nợ 82.000.000 đồng và kêu vợ chồng bà ký vào giấy nợ. Tất cả số tiền bà M tính lãi trên số tiền hụi chết mà bà nợ bà M thì bà M đều ghi vào trong sổ của bà.

Sau khi ký giấy nợ 82.000.000 đồng, ngày 10-5-2016 bà có trả cho bà M được số tiền 40.950.000 đồng, bà M có viết giấy nhận tiền trong sổ của bà. Như vậy trong số tiền 82.000.000 đồng bà còn nợ lại bà M 41.050.000 đồng, bà M viết lại giấy nợ khác và vợ chồng bà ký tên vào giấy nợ 41.050.000 đồng.

Đối với dây hụi khui ngày 30-02-2016 mà bà M trình bày vợ, chồng bà có góp 03 dây hụi 1.000.000 đồng là không đúng, vợ chồng bà không có góp trong dây hụi này.

Giấy hốt hụi và giao nhận tiền hụi ngày 10-3-2016 âm lịch ghi nội dung bà và ông T hốt kỳ hụi đầu tiên khui 350.000 đồng, hốt được số tiền 40.950.000 đồng bà thừa nhận là chữ ký của bà và của ông T chồng bà.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu bà và ông T trả số tiền hụi 41.050.000 đồng; tiền hụi 64.500.000 đồng, tổng cộng là 105.550.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật bà không đồng ý trả theo yêu cầu của bà M. Vì nếu tính tiền hụi chết bà chỉ nợ bà M 55.000.000 đồng và bà đã trả hết cho bà M rồi, do bà M tính tiền lãi vào nên số nợ mới là 82.000.000 đồng. Bà M kiện vợ, chồng bà về tiền vay là không đúng, vì vợ chồng bà không có vay tiền của bà M.

Đối với phần hụi sống mà bà M còn nợ bà thì bà không có ý kiến gì và bà cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền hụi sống này, để tùy bà M tính nếu bà còn nợ tiền hụi chết của bà M thì bà M cứ trừ số tiền hụi sống của bà, nếu tiền hụi sống của bà còn dư bà cũng không yêu cầu bà M trả lại cho bà.

Bị đơn ông Hồ Văn T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà N vợ ông, ông không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Áp dụng Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24, 28, 30 Nghị định số 144/2006-NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M. Buộc bà Trịnh Thị N và ông Hồ Văn T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Phan Thị M 87.150.000 đồng tiền hụi gốc và 13.071.000 đồng đồng tiền lãi, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi 100.221.000 đồng (một trăm triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất đối với số tiền chậm trả quyền kháng cáo và thi hành án.

Ngày 06-9-2018, bị đơn bà Trịnh Thị N và ông Hồ Văn T có đơn kháng cáo với nội đề nghị cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trịnh Thị N, Luật sư Ngụy Cao K trình bày: Đề nghị làm rõ 3 dây hụi khui ngày 30-02-2016 âm lịch có người chơi hay không có người chơi. Chứng cứ bà M đưa ra là một giấy nhận hụi, nhưng không đưa tiền hụi cho bà N mà cấn trừ vào một khoản nợ 82.000.000 đồng khác. Số tiền 82.000.000 đồng này cả hai bên đều thừa nhận là tiền nợ hụi, nhưng không cung cấp được căn cứ xác định số tiền 82.000.000 đồng này bao gồm những khoản nợ tiền hụi nào.

Do các chứng cứ không được khách quan, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, để các bên cung cấp thêm chứng cứ.

Bị đơn bà Trịnh Thị N trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả cho bà Phan Thị M 87.150.000 đồng tiền hụi gốc và 13.071.000 đồng đồng tiền lãi, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi 100.221.000 đồng.

Vì số tiền nợ hụi bà M 82.000.000 đồng bà đã trả nợ hết cho bà M. Cụ thể: Số tiền 40.950.000 đồng bà trả cho bà M là bà trả bằng tiền mặt, không phải là tiền bà hốt hụi như lời bà M trình bày. Sau khi trả 40.950.000 đồng, bà còn nợ lại bà M 41.050.000 đồng, nhưng bà đã trả dần cho bà M xong.

Bà cũng không góp hụi và cũng không hốt 03 phần hụi 1.000.000 đồng, của 03 dây hụi gồm 22 thành viên khui ngày 30-02-2016 âm lịch như lời bà M trình bày, nên không nợ bà M số tiền 63.000.000 đồng tiền hụi chết của 03 dây hụi này.

Bị đơn ông Hồ Văn T trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả cho bà Phan Thị M 87.150.000 đồng tiền hụi gốc và 13.071.000 đồng đồng tiền lãi, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi 100.221.000 đồng và đồng ý với mọi lời trình bày của vợ ông là bà Trịnh Thị N.

Nguyên đơn bà Phan Thị M trình bày: Bà Trịnh Thị Ng có góp hụi với bà nhiều dây hụi, do bà làm chủ hụi. Đến ngày 10-5-2016 bà và bà N tính tiền hụi với nhau thì bà N còn nợ bà số tiền hụi là 82.000.000 đồng, bà có viết giấy nợ, bà N và ông T chồng bà N cùng ký tên vào giấy nợ.

Ngày 30-02-2016 âm lịch bà N góp 03 dây hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 kỳ. Bà N đã hốt cả 03 dây hụi, hốt kỳ khui hụi đầu tiên được số tiền 40.950.000 đồng, chưa trừ tiền bà được hưởng hoa hồng (tiền cò) 1.500.000 đồng. Số tiền hốt hụi 40.950.000 đồng, bà đã trừ vào số tiền bà N, ông T nợ trong tiền chốt hụi 82.000.000 đồng , bà N và ông T còn nợ bà 41.050.000 đồng.

Bà thừa nhận dây hụi 2.000.000 đồng (BL50) nội dung út N gửi 18.400.000 đồng và dây hụi 2.000.000 đồng (BL62) gồm 20 phần khui ngày 15-3-2015 âm lịch là cùng một dây hụi, thừa nhận chữ viết trong hai giấy ghi nhận hụi là do bà viết vào sổ của bà N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các thẩm phán tham gia phiên tòa và thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định về thủ tục xét xử phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm tại phiên tòa, Tòa án và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị N và ông Hồ Văn T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bà Trịnh Thị N và ông Hồ Văn T:

[1.1] Đối với số tiền nợ hụi 82.000.000 đồng chốt ngày 10-5-2016:

Xét thấy, bà M cung cấp Giấy mượn tiền ngày 10-5-2016 (BL45), với nội dung bà N và ông T mượn bà M số tiền 82.000.000 đồng. Bà M, bà N và ông T thừa nhận số tiền 82.000.000 đồng này là tiền nợ hụi, không phải tiền vay nợ và chữ ký, chữ viết tên trên giấy mượn tiền là của bà N và ông T.

Bà N cung cấp giấy trả nợ số tiền 40.950.000 đồng ngày 10-5-2016 (BL49). Đối với số tiền 40.950.000 đồng này bà M trình bày: Ngày 30-02-2016 âm lịch (07-4-2016) bà N góp 03 dây hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 kỳ và bà N đã hốt cả 03 dây hụi, hốt kỳ khui hụi đầu tiên được số tiền 40.950.000 đồng, chưa trừ tiền cò 1.500.000 đồng. Số tiền hốt hụi 40.950.000 đồng, bà đã trừ vào số tiền bà N, ông T nợ

tiền chốt hụi 82.000.000 đồng, bà N và ông T còn nợ bà 41.050.000 đồng. Bà N trình bày: Số tiền 40.950.000 đồng bà trả cho bà M là bà trả bằng tiền mặt, không phải là tiền bà hốt hụi như lời bà M trình bày. Sau khi trả 40.950.000 đồng, bà còn nợ lại bà M 41.050.000 đồng, nhưng bà đã trả dần cho bà M xong.

Ngoài giấy mượn tiền 82.000.000 đồng ngày 10-5-2016 và Giấy nhận tiền 40.950.000 ngày 10-5-2016 và lời trình bày của mình bà M và bà N không cung cấp được chứng cứ gì thêm.

Có căn cứ xác định tính đến ngày 10-5-2016 bà N và ông T còn nợ tiền hụi bà Mai 82.000.000 đồng, đã trả được 40.950.000 đồng, còn nợ lại số tiền 41.050.000 đồng.

Bà N cung cấp giấy ghi hụi (BL62), gồm 20 phần, khui ngày 15-3-2015 âm lịch (03-5-2015), phần hụi 2.000.000 đồng, bà N tham gia 1 phần, đóng đến ngày 15-3-2016 âm lịch (21-4-2016) được số tiền 26.195.000 đồng. Cũng phần hụi này, bà N cung cấp được thêm giấy nhận tiền hụi (BL50), tính đến ngày 05-11-2016 âm lịch (03-12-2016) được số tiền 18.400.000 đồng. Bà M thừa nhận chữ viết trong hai giấy ghi nhận hụi là do bà N cung cấp tại các (BL50, 62) là của bà, do bà ghi vào sổ của bà N và số tiền hụi tại các (BL50, 62) là của cùng một dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 15-3-2015 âm lịch (03-5-2015).

Do đó, có căn cứ số tiền hụi bà N đã đóng cho bà M đối với dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 15-3-2015 âm lịch (03-5-2015), tính đến ngày 03-12-2016 là: 26.195.000 đồng + 18.400.000 đồng = 44.595.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền nợ hụi 41.050.000 đồng. Sau khi khấu trừ, buộc bà M phải trả cho bà N và ông T số tiền hụi là 44.595.000 đồng – 41.050.000 đồng = 3.545.000 đồng.

[1.2] Đối với số tiền 63.000.000 đồng nợ hụi chết khui ngày 30-02-2016 âm lịch (07-4-2016):

Xét thấy, bà M cung cấp Giấy nhận tiền hốt hụi (BL55) 1.000.000 đồng x 3 dây x 22 phần, khui ngày 30-02-2016 âm lịch (07-4-2016), với nội dung hốt kỳ đầu với số tiền 40.950.000 đồng.

Bà N và ông T thừa nhận chữ ký trong giấy giao nhận tiền hụi ngày 10-3-2016 âm lịch (10-4-2016) là chữ ký của bà N và chữ ký của ông T nhưng không thừa nhận có tham gia 03 dây hụi này.

Ngoài Giấy nhận tiền hốt hụi (BL55) và lời trình bày của mình bà M và bà N và ông T không cung cấp được chứng cứ gì thêm.

Có căn cứ xác định ngày 30-02-2016 âm lịch bà N góp 03 dây hụi 1.000.000 đồng. Bà N đã hốt cả 03 dây hụi, hốt kỳ khui hụi đầu tiên được số tiền 40.950.000 đồng. Từ khi bà N hốt hụi, bà N không đóng hụi chết cho bà M kỳ nào. Bà M đã phải choàng phần tiền hụi của bà N số tiền 63.000.000 đồng cho các hụi viên.

Có căn cứ buộc bà N và ông T trả cho bà M số tiền 63.000.000 đồng tiền nợ hụi gốc. Khấu trừ số tiền hụi 3.545.000 đồng buộc bà M phải trả cho bà N và ông T tại mục [1.1]. Bà Ng và ông T còn phải trả cho bà M số tiền nợ hụi gốc là 63.000.000 đồng – 3.545.000 đồng = 59.455.000 đồng.

Do bà N hốt kỳ hụi đầu tiên ngày 07-4-2016, sau 8 ngày mới giao tiền hụi tức là ngày 15-4-2016, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15 tháng 8 năm 2018 là 28 tháng. Áp dụng mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian giao chậm tại thời điểm giao các phần hụi (9%/năm tức 0,75%/tháng) thì số tiền lãi là 59.455.000 đồng x 0,75%/tháng x 28 tháng = 12.485.000 đồng.

[1.3] Đối với tiền hoa hồng (tiền cò) 1.500.000 bà M được hưởng:

Bà N, ông T thừa nhận phía dưới của Giấy mượn tiền ngày 10-5-2015 (BL45) có ghi "ngày 10/3/2016 AL tôi có nợ thêm tiền hụi chết 1.500.000 đồng" là chữ viết, chữ ký của bà N. Nên có căn cứ buộc bà N và ông T trả cho bà M số tiền 1.500.000 đồng tiền hoa hồng.

[1.4] Tổng cộng bà N và ông T phải trả cho bà M số tiền là: 59.455.000 đồng tiền nợ hụi gốc + 12.485.000 đồng tiền lãi + 1.500.000 đồng tiền hoa hồng = 73.440.000 đồng.

[2] Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trịnh Thị N và ông Hồ Văn T.

[3] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trịnh Thị N, Luật sư Ngụy Cao K, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, để các bên cung cấp thêm chứng cứ là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét thấy đề nghị của viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị N và ông Hồ Văn T; giữ nguyên án bản án sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 15-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh là không có căn cứ.

[5] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trịnh Thị N và ông Hồ Văn T phải chịu 3.672.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị M phải chịu 2.229.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.639.000 đồng theo biên lai số 0005212 ngày 27-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho bà Phan Thị M 410.000 đồng.

[5.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà N, ông T được chấp nhận nên căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trịnh Thị N và ông Hồ Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh Thị N và ông Hồ Văn T.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" của bà Phan Thị M đối với bà Trịnh Thị N và ông Hồ Văn T.

4. Buộc bà Trịnh Thị N và ông Hồ Văn T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Phan Thị M số tiền: 73.440.000 đồng (bảy mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng); trong đó gồm: 59.455.000 đồng (năm mươi chín triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền nợ hụi gốc + 12.485.000 đồng (mười hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền lãi + 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền hoa hồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trịnh Thị N và ông Hồ Văn T phải chịu 3.672.000 đồng (ba triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phan Thị M phải chịu 2.229.000 đồng (hai triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.639.000 đồng (hai triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005212 ngày 27-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho bà Phan Thị M 410.000 đồng (bốn trăm mười nghìn đồng).

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trịnh Thị N và ông Hồ Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Trịnh Thị N và ông Hồ Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005616, ngày 06-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN;
- TAND h.Tân Biên;
- CCTHADS h.Tân Biên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Vân